

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CKT2 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067101102 - Quy ho ch tuy n t ñnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673011034	36CKT2	H L ² Ng c An	16/05/1994				3.0	5.0		4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
2	3673010634	36CKT2	Nguy n Thi ² n An	09/04/1994				0.5	0.5		0.5	0.2	0.0	0.0	0.2	
3	3673010454	36CKT2	Nguy n Th Ng c Ánh	14/06/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
4	3673011014	36CKT2	Tr n Th Ánh	09/07/1994				2.5	5.0		3.8	1.1	8.3	5.8	6.9	
5	3673011620	36CKT2	Nguy n Ng c Bích	28/12/1994				0.5	0.0		0.3	0.1	0.0	0.0	0.1	
6	3673011925	36CKT2	Nguy n Th Ng c Bích	15/04/1994				1.5	8.5		5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
7	3673010676	36CKT2	Nguy n Minh Cang	26/09/1994				3.5	5.5		4.5	1.4	6.3	4.4	5.8	
8	3673010420	36CKT2	Nguy n Th B'ch Chi	1994				3.5	7.5		5.5	1.7	7.5	5.3	6.9	
9	3673011861	36CKT2	Huñnh Th M Dung	15/04/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	8.5	6.0	7.2	
10	3673011002	36CKT2	Tr n Th M Dung	25/04/1994				8.0	9.5		8.8	2.6	9.0	6.3	8.9	
11	3673011255	36CKT2	Tr n Th Ng c Dung	21/10/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	8.3	5.8	7.2	
12	3673010414	36CKT2	Tr n Th Th ½y D ñg	01/11/1994				4.0	4.0		4.0	1.2	5.3	3.7	4.9	
13	3673011525	36CKT2	Huñnh Hoa Trang ã @	02/08/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
14	3673010554	36CKT2	Nguy n Ph c Gi i	09/11/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	9.0	6.3	7.2	
15	3673010811	36CKT2	Nguy n Th M ñg Hà	28/10/1994				9.5	9.5		9.5	2.9	8.8	6.2	9.0	
16	3673011917	36CKT2	Nguy n Th Thu Hà	04/04/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
17	3673010892	36CKT2	ñ ñg Th Thanh H ñg	03/06/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	8.8	6.2	9.2	
18	3673010835	36CKT2	L ² Th Thu H ñg	23/05/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
19	3673011045	36CKT2	VHVN ã H u	30/06/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101102 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673011898	36CKT2	Nguy n Th Thu	Hĩ n	27/07/1992							0.0	0.0	0	0.0		N HP
21	3673011284	36CKT2	V H ấ	Hĩ n	16/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
22	3673011239	36CKT2	Nguy n Th	Hĩ u	19/07/1994				5.0	9.0		7.0	2.1	7.8	5.5	7.6	
23	3673010673	36CKT2	Tr n Minh	Hĩ u	05/11/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
24	3673011304	36CKT2	Nguy n Qu c	Ho ấ	30/07/1993							0.0	0.0	0	0.0		N HP
25	3673011289	36CKT2	Ph m Th	Ho ấ	28/10/1994				2.0	2.0		2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
26	3673011834	36CKT2	Nguy n Th Th ấ	Ho ấ	15/07/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	7.8	5.5	6.8	
27	3673010450	36CKT2	Nguy n Th	H ng	02/03/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
28	3673010915	36CKT2	L ng Th Kim	Huy n	17/07/1994				7.5	8.8		8.2	2.5	9.0	6.3	8.7	
29	3673011617	36CKT2	Ti n Minh	Hùng	20/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
30	3673011949	36CKT2	L ² Th Thu	H ng	01/01/1994				9.0	10.0		9.5	2.9	5.5	3.9	6.7	
31	3673010848	36CKT2	Tr n Ng c My	H ng	24/01/1993				7.0	6.5		6.8	2.0	9.5	6.7	8.7	
32	3673011242	36CKT2	Nguy n Th	Ki u	26/10/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	9.0	6.3	7.2	
33	3673010883	36CKT2	Tr n M	Kim	16/06/1994				2.0	6.5		4.3	1.3	5.5	3.9	5.1	
34	3673011996	36CKT2	Xuân Thúy	Kim	21/08/1994				8.0	9.5		8.8	2.6	4.5	3.2	5.8	
35	3673010539	36CKT2	Nguy n D ng Th ấ	Linh	30/03/1994				2.0	3.0		2.5	0.8	1.0	0.7	1.5	
36	3673010765	36CKT2	Tr nh Th C m	Linh	21/10/1994				4.5	5.0		4.8	1.4	5.5	3.9	5.3	
37	3673011298	36CKT2	Nguy n V ấ	L i	15/05/1993				3.0	4.5		3.8	1.1	9.5	6.7	7.8	
38	3673010561	36CKT2	Qu ấ ch Th	L ng	01/12/1993				2.0	3.0		2.5	0.8	7.0	4.9	5.7	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101102 - Quy ho ch tuy n t ầnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673010749	36CKT2	Nguy n Th Ki u My	19/10/1994				0.0	0.5		0.3	0.1	0.0	0.0	0.1	
40	3673011011	36CKT2	Tr n Th Ki u My	01/12/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	8.3	5.8	8.1	
41	3673011022	36CKT2	Tr n Th Ly Na	07/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
42	3673010552	36CKT2	H Th Ầnh Ng c	25/02/1994				6.5	6.5		6.5	2.0	9.0	6.3	8.3	
43	3673011265	36CKT2	Ph m Th H ng Ng c	01/01/1994				7.0	7.5		7.3	2.2	9.3	6.5	8.7	
44	3673010979	36CKT2	Tr n Th Nh Ng c	10/07/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
45	3673011517	36CKT2	Nguy n Th Th o Nguyên	10/09/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
46	3673010737	36CKT2	D ng B u Nguy t	08/07/1994				4.5	5.5		5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
47	3673010699	36CKT2	ấ o ầ Th Thanh Nguy t	18/03/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
48	3673010771	36CKT2	Nguy n Th ¾y Nhi	05/11/1994				2.5	3.0		2.8	0.8	6.8	4.8	5.6	
49	3673010778	36CKT2	B ầi Th Ph ng Nhung	01/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
50	3673010603	36CKT2	Nguy n Th C m Nhung	20/05/1994				3.5	5.0		4.3	1.3	8.3	5.8	7.1	
51	3673010410	36CKT2	L c Gia Ph i	02/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
52	3673011883	36CKT2	V ½ Ng c Phú	29/05/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	9.8	6.9	9.4	
53	3673011568	36CKT2	Hu ầnh Th M Ph ng	20/05/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
54	3673010489	36CKT2	Ho ầng Thu Ph ng	27/11/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
55	3673011865	36CKT2	D ng Th Thanh Ph ng	09/03/1994				4.0	7.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
56	3673010741	36CKT2	Ph m Thanh Quy ần	17/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
57	3673011624	36CKT2	Nguy n Th Minh Quý	17/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101102 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3673010707	36CKT2	Nguy n V ấ Sang	26/06/1993				0.0	0.5		0.3	0.1	1.0	0.7	0.8	
59	3673010470	36CKT2	Tr n Th Sen	26/11/1994				7.5	9.5		8.5	2.6	7.8	5.5	8.0	
60	3673011931	36CKT2	ấ ng Tam S n	29/04/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	8.3	5.8	7.2	
61	3673010559	36CKT2	ấ ng Th S ng	24/02/1994				4.5	6.5		5.5	1.7	8.0	5.6	7.3	
62	3673010601	36CKT2	Ngô Thanh Tâm	1993				3.0	4.0		3.5	1.1	6.5	4.6	5.6	
63	3673011836	36CKT2	Nguy n Ng c Minh Tân	24/06/1994				7.5	8.0		7.8	2.3	7.3	5.1	7.4	
64	3673010949	36CKT2	Tr n Minh Tân	01/03/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
65	3673010838	36CKT2	Nguy n Th C m Tiên	19/10/1994				4.0	5.0		4.5	1.4	5.3	3.7	5.1	
66	3673010941	36CKT2	Nguy n Th B ấ ch Tuy n	05/11/1994				9.5	10.0		9.8	2.9	8.0	5.6	8.5	
67	3673011623	36CKT2	Nguy n Th ấ nh Tuy t	19/06/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	6.0	4.2	7.2	N HP
68	3673010935	36CKT2	Lý Minh Tú	07/09/1993				1.0	6.3		3.7	1.1	0.0	0.0	1.1	N HP
69	3673010630	36CKT2	Ng» Th M ấ Tú	1994				6.5	9.0		7.8	2.3	8.0	5.6	7.9	
70	3673010604	36CKT2	Nguy n Th Thanh Th o	16/07/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
71	3673010719	36CKT2	Phan Th Ph ng Th o	14/07/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	10.0	7.0	10.0	
72	3673010966	36CKT2	Tr ng Th Thu	15/09/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
73	3673010844	36CKT2	Mai Th Ng c Thu	19/02/1992							0.0	0.0	0	0.0		N HP
74	3673010608	36CKT2	Tr ng Th Thu	10/08/1993				4.0	7.0		5.5	1.7	7.8	5.5	7.1	
75	3673011681	36CKT2	V ấ Th Thu	23/02/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	10.0	7.0	10.0	
76	3673010599	36CKT2	V ấ Th Thanh Thuý	19/09/1994				2.0	4.0		3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101102 - Quy ho ch tuy n t ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3673011044	36CKT2	Nguy n Th Th ng	23/08/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
78	3673010931	36CKT2	Ph m Th Thu Trang	20/12/1993				1.0	3.5		2.3	0.7	6.0	4.2	4.9	
79	3673011586	36CKT2	L ² Th Huy n Tr ấ m	30/07/1994				2.5	4.0		3.3	1.0	5.8	4.1	5.0	
80	3673010459	36CKT2	Th ấ i Ng c B o Tr ấ m	03/08/1993				2.5	5.0		3.8	1.1	5.8	4.1	5.2	
81	3673010517	36CKT2	ấ Minh Trí	17/10/1994				2.0	5.0		3.5	1.1	5.8	4.1	5.1	
82	3673010998	36CKT2	Tr n Th Thanh Trú c	09/11/1994				9.0	9.5		9.3	2.8	8.0	5.6	8.4	
83	3673010912	36CKT2	Nguy n Ng c Vui	01/01/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	9.8	6.9	9.9	
84	3673011840	36CKT2	Nguy n Kim Xinh	01/01/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
85	3673010616	36CKT2	Đi p H ng Y n	20/04/1994				2.0	5.5		3.8	1.1	7.8	5.5	6.6	
86	3673010695	36CKT2	Nguy n Th Ho ấ ng Y n	06/01/1994				2.5	4.0		3.3	1.0	6.8	4.8	5.7	

T ng s : 86 h c sinh sinh vĩ ² n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ấ o Vĩ ² n B M ấ n Gi ấ o V Khoa